

Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2026

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2026

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	SỐ BIỂU
1	B01-DN	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 1 - 2026	1
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 1 - 2026	1
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 1 - 2026	1
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	QUÝ 1 - 2026	1

KẾ TOÁN TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Nhân



GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Tạ Mạnh Cường

Nơi nhận:

- 1- Ban Quản lý phát hành, Ban công bố thông tin- UBCKNN
- 2- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- 3- Hội đồng quản trị
- 4- Ban kiểm soát
- 5- Công ty Cổ phần Transimex (Phòng Kế toán)
- 6- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Ban Tài chính Kế toán)
- 7- Giám đốc Công ty
- 8- Phòng Kế toán (lưu)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.733.972.165	142.177.228.554
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.184.146.390	2.286.364.944
1. Tiền	111		2.084.146.390	2.286.364.944
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.100.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		96.600.000.000	126.900.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		96.600.000.000	126.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124			
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125			
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.444.899.843	2.433.743.679
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.535.417.410	1.527.701.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		113.516.609	113.516.609
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		2.282.973.829	2.279.533.696
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(1.487.008.005)	(1.487.008.005)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137			
IV. Hàng tồn kho	140		83.458.284	83.458.284
1. Hàng tồn kho	141		83.458.284	83.458.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		10.421.467.648	10.473.661.647
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		10.421.467.648	10.473.661.647
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Mẫu số B01-DN

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

(Kèm theo Thông tư số
99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.920.778.132	40.209.908.424
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.074.269.925	11.094.263.827
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.818.973.925	3.838.967.827
- Nguyên giá	222		5.425.233.348	5.425.233.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.606.259.423)	(1.586.265.521)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		7.255.296.000	7.255.296.000
- Nguyên giá	228		7.310.296.000	7.310.296.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.000.000)	(55.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		28.701.773.644	28.922.163.370
- Nguyên giá	241		30.684.415.596	30.684.415.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.982.641.952)	(1.762.252.226)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		144.734.563	193.481.227
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271		144.734.563	193.481.227
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100 + 200)	280		183.654.750.297	182.387.136.978

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Mẫu số B01-DN

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

(Kèm theo Thông tư số
99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.158.795.740	2.309.385.074
I. Nợ ngắn hạn	310		1.335.421.740	1.528.491.074
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		342.882.675	342.882.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314		366.365.732	375.447.854
5. Phải trả người lao động	315		36.633.910	102.858.000
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		82.349.680	133.781.120
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		112.909.086	188.181.812
10. Phải trả ngắn hạn khác	320		112.835.471	103.894.427
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		281.445.186	281.445.186
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		823.374.000	780.894.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		823.374.000	780.894.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Mẫu số B01-DN

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

(Kèm theo Thông tư số
99/2025/TT-BTC ngày
27/10/2025 của BTC)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026****Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		181.495.954.557	180.077.751.904
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		5.007.985.000	5.007.985.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	11.496.562.246
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		90.487.969.557	77.573.204.658
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		89.069.766.904	73.262.405.639
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		1.418.202.653	4.310.799.019
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300+ 400)	440		183.654.750.297	182.387.136.978

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Phê duyệt, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Tạ Mạnh Cường
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

Mẫu số B02-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 31/03/2026

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế Kỳ này	Lũy kế Kỳ trước	Đơn vị tính: VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		936.660.410	937.168.210	936.660.410	937.168.210	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02						
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		936.660.410	937.168.210	936.660.410	937.168.210	
4.	Giá vốn hàng bán	11		464.744.236	418.920.523	464.744.236	418.920.523	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		471.916.174	518.247.687	471.916.174	518.247.687	
6.	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21						
7.	Doanh thu hoạt động tài chính	22		1.951.491.052	1.714.386.092	1.951.491.052	1.714.386.092	
8.	Chi phí tài chính	23						
9.	Trong đó: chi phí lãi vay	24						
10.	Chi phí bán hàng	25		33.925.070	33.925.070		33.925.070	
11.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.065.847.694	1.065.847.694	650.653.910	1.065.847.694	
12.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.772.753.316	1.132.861.015	1.772.753.316	1.132.861.015	
13.	Thu nhập khác	31						
14.	Chi phí khác	32						
15.	Lợi nhuận khác	40		-		-		
16.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.772.753.316	1.130.705.695	1.772.753.316	1.130.705.695	
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		354.550.663	229.741.139	354.550.663	229.741.139	
18.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52						
19.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.418.202.653	900.964.556	1.418.202.653	900.964.556	
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		165	105	165	105	
21.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		165	165	165	165	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
M.S. 0105030
N: 0105030
CỘNG TP phê duyệt, ngày 15 tháng 04 năm 2026
Trần Thị Thanh Nhàn
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 31/03/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.772.753.316	1.130.705.695
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	240.383.628	240.383.628
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.951.491.052)	(1.714.386.092)
- Chi phí đi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	61.645.892	(343.296.769)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	44.477.968	112.383.949
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(138.549.573)	(261.838.074)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	48.746.664	53.295.030
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(366.590.424)	(192.332.211)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(350.269.473)	(631.788.075)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.000.000.000)	(61.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	63.300.000.000	60.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.948.050.919	1.637.066.640
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.248.050.919	37.066.640

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Mẫu số B03-DN

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	31.897.781.446	(594.721.435)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.286.364.944	2.663.741.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	34.184.146.390	2.069.020.184

Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Tạ Mạnh Cường
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 31/03/2026

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2- Lĩnh vực kinh doanh: vận tải biển và dịch vụ vận tải

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính Quý I năm 2026

Quý 1/2026 hoạt động chính của Công ty kinh doanh cho thuê văn phòng. Hiện tại tỷ lệ lấp đầy đạt 100% tổng diện tích cho thuê.

Số lao động tại ngày 31/03/2026 là 06 người

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam .

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 99/2025/TT- BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ 01/01/2026.

Kể từ ngày 01/01/2026, đơn vị thực hiện chuyển đổi chế độ kế toán từ Thông tư 200/2014/TT-BTC sang Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025. Do đó, số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2026 đã được phân loại và sắp xếp lại để phù hợp với biểu mẫu báo cáo mới.

Số liệu tại cột "Số đầu năm" trên Báo cáo tình hình tài chính 2026 chính là số dư cuối kỳ tại 31/12/2025 sau khi đã điều chỉnh phân loại.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

- Các báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV – CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam, việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp với ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản, các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên phát sinh giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên phát sinh giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng doanh nghiệp thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá khi đánh giá lại là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng đó.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua đến thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có). Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm doanh nghiệp có quyền sở hữu: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật .

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm thấp hơn giá gốc, doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá gốc

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được như bên phát hành công cụ mất khả năng thanh toán hay phá sản..., kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi, xác định giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được, ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi được nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư đó là một khoản tổn thất và hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

d) Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác là giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

4 - Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo từng nguyên tệ và theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi doanh nghiệp giao dịch thường xuyên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi được của chúng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay so với số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Việc quản lý hàng tồn kho theo Chuẩn mực kế toán số 02 " Hàng tồn kho"

6- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Theo chuẩn mực kế toán 03, 04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ Tài chính; Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán TSCĐ hữu hình, vô hình được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình: trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: theo chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC – 30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính

7- Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Các khoản chi phí phát sinh lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán như: công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần cho 1 kỳ được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn để phân bổ dần vào chi phí kinh doanh.

Kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức phân bổ hợp lý. Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí SXKD từng kỳ căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ cho phù hợp. Đối với chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ dự kiến có thể tính từ khi TSCĐ được sửa chữa bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ sau hoặc đối với công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán thì thời gian phân bổ có thể là thời gian dự kiến sử dụng hữu ích của công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển hoặc đồ dùng cho thuê,...

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Kế toán theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng kỳ hạn, số đã phát sinh, số đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: Không có.

8- Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Các khoản phải trả được phân loại theo nguyên tắc: Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản;

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo dõi chi tiết cho từng đối tượng và từng loại nguyên tệ.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

9- Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận:

Thời điểm ghi nhận khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận là ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và được theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên phát sinh giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

11- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “Chi phí đi vay”: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: không

12- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, các khoản phải trả về tiền lương nghỉ phép, trích trước chi phí lãi vay ...thỏa mãn điều kiện là nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian phải thanh toán và xác định được chắc chắn số sẽ phải trả.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Nguyên tắc ghi nhận: theo chuẩn mực số 18 “Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng”: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Phương pháp ghi nhận: được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006: Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán.

14- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ phản ánh doanh thu nhận trước (tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ) và các khoản doanh thu chờ phân bổ khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc số chiết khấu giảm giá cho khách hàng...)

15- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn: được ghi nhận theo tổng số phát sinh thặng dư của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: theo CM số 10 và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 "Doanh thu và thu nhập khác", Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng: Khi công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành, lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ báo cáo

17- Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu của hàng hóa dịch vụ tiêu thụ từ kỳ trước phát sinh sau ngày kết thúc năm nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán " các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm"- được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước.

18- Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán giá vốn hàng bán đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Kế toán giá vốn hàng bán đảm bảo nguyên tắc thận trọng: phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu được hoàn lại khi xuất bán hàng hóa thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

19- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ báo cáo..

20- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: tuân thủ theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

21- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V- CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1- Giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ

2- Trình bày tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần hoặc các luồng tiền được coi là là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng

3- Những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu (trang sau)

4- Tính chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ kế toán hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước: không có

5 -Việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn: không có

6- Cổ tức đã trả: Không

7- Doanh thu và kết quả kinh doanh theo bộ phận:

8- Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo Tài chính giữa niên độ :

- Căn cứ nghị quyết số 01/2026/NQ.ĐHĐCĐ-TJC ngày 25/03/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và thương mại về việc phân phối lợi nhuận, Ngày 13/04/2026 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 05/2026/NQ.HĐQT-TJC quyết định phương án chia cổ tức bằng tiền năm 2025 với tỷ lệ trả cổ tức 90% (mỗi cổ phiếu được nhận 9.000đồng). Tổng số tiền chi trả cổ tức là : 77.400.000.000 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng: 04/5/2026. Ngày thực hiện thanh toán: 19/5/2026.

9- Những thay đổi trong các khoản nợ tiềm tàng hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất: không có

Trần Thị Thanh Nhạn

Người lập/ Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 15 tháng 04 năm 2026



Tạ Mạnh Cường

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

QUÝ I NĂM 2026

V.3 - Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý I năm 2026

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2025					
Tại ngày 01/01/2025	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	73.262.405.639	175.766.952.885
Lãi/lỗ trong kỳ				900.964.556	900.964.556
Trích lập các quỹ					-
Trả cổ tức					-
Tại ngày 31/03/2025	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	74.163.370.195	176.667.917.441
Năm 2026					
Tại ngày 01/01/2026	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	77.573.204.658	180.077.751.904
Lãi/lỗ trong kỳ				1.418.202.653	1.418.202.653
Điều chuyển quỹ ĐTPT về LNST chưa phân phối			(11.496.562.246)	11.496.562.246	-
Trả cổ tức					-
Tại ngày 31/03/2026	86.000.000.000	5.007.985.000	-	90.487.969.557	181.495.954.557

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước:	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
- Vốn góp của các đối tượng khác :	57.200.000.000	66,51%	57.200.000.000	66,51%
Công ty Cổ phần Transimex	49.651.600.000	57,73%	49.631.600.000	57,71%
Các cổ đông khác	7.548.400.000	8,78%	7.568.400.000	8,80%
Cộng	86.000.000.000	100,00%	86.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia: - -

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 CP		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không		
e) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển:	0	11.496.562.246

Ngày 25/03/2025 Đại hội đồng cổ đông Công ty Cp Dịch vụ Vận tải và Thương mại đã có Nghị quyết số 01/2026, thông qua phương án chuyển số dư Quỹ Đầu tư phát triển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : số tiền 11.496.562.246 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Biểu: B05-HH

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC HOẠT ĐỘNG
QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Kỳ này	Lũy kế
I. KQKD HĐ Cho thuê Văn phòng		
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	936.660.410	936.660.410
2. Chi phí	1.115.398.146	1.115.398.146
2.1. Chi phí trực tiếp	464.744.236	464.744.236
2.2. Chi phí bán hàng		
2.3. Chi phí quản lý	650.653.910	650.653.910
3. Lợi nhuận thuần	(178.737.736)	(178.737.736)
II. Hoạt động tài chính		
1. Doanh thu tài chính	1.951.491.052	1.951.491.052
1.1. Lãi tiền gửi ngân hàng	1.951.491.052	1.951.491.052
1.2. Chênh lệch tỷ giá		
2. Chi phí tài chính	-	-
2.1. Chi phí lãi vay		
2.2. Chênh lệch tỷ giá		
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	1.951.491.052	1.951.491.052
3.1. Chênh lệch lãi tiền gửi và trả lãi vay vốn	1.951.491.052	1.951.491.052
3.2. Chênh lệch tỷ giá	-	-

TP Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2026



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập/Kế toán trưởng



Tạ Mạnh Cường
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: VND

Mã phí	Diễn giải	PS kỳ này	PS lũy kế kỳ này
	I.CHI PHÍ TRỰC TIẾP	464.744.236	464.744.236
100	Chi phí nước	5.285.192	5.285.192
101	Chi phí điện	76.011.238	76.011.238
108	Chi phí Bảo hiểm	-	-
121	Chi phí sửa chữa Nhà làm việc	7.590.000	7.590.000
400	Chi phí khấu hao TSCĐ	207.172.227	207.172.227
432	Chi phí giấy VS, xà phòng, khử trùng	9.327.659	9.327.659
433	Chi phí vệ sinh tòa nhà	30.000.000	30.000.000
434	Chi phí xử lý rác thải	1.764.000	1.764.000
435	Chi phí bảo trì	7.488.000	7.488.000
436	Chi phí bảo vệ	81.000.000	81.000.000
437	Chi phí PCCC	15.602.202	15.602.202
499	Chi khác	11.905.805	11.905.805
	II.CHI PHÍ BÁN HÀNG	-	-
700	Hoa hồng môi giới	-	-
	III.CHI PHÍ QUẢN LÝ	650.653.910	650.653.910
101	Chi phí điện	5.587.002	5.587.002
102	Chi phí điện thoại, điện tín, CPN	7.233.956	7.233.956
103	Chi phí hội nghị	12.608.334	12.608.334
107	Phí chuyển tiền	960.000	960.000
112	Thù lao HĐQT	51.000.000	51.000.000
113	Thù lao Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
114	Chi phí tiếp khách	8.757.796	8.757.796
116	Chi phí văn phòng phẩm, đồ dùng VP	1.635.185	1.635.185
125	Phí tư vấn, quản lý niêm yết, kiểm toán	68.250.000	68.250.000
127	Thù lao Thư ký công ty	6.000.000	6.000.000
130	Chi phí nội thất, CCDC phân bổ	37.148.751	37.148.751
300	Chi phí lương	329.705.192	329.705.192
301	Chi phí BHXH	26.153.400	26.153.400
302	Chi phí BHYT	4.483.440	4.483.440
303	Chi phí KPCĐ	2.988.960	2.988.960

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2026

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị tính: VND

Mã phí	Diễn giải	PS kỳ này	PS lũy kế kỳ này
306	Chi phí BH thất nghiệp	1.494.480	1.494.480
400	Chi phí khấu hao TSCĐ	33.211.401	33.211.401
800	Chi phí quản lý khác	29.436.013	29.436.013
	IV.TỔNG CỘNG	1.115.398.146	1.115.398.146

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 04 năm 2026

Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Tạ Mạnh Cường
Người đại diện theo pháp luật